**Mẫu số 006. Biểu mẫu số liệu kèm theo Báo cáo về tình hình phát triển đô thị**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *….., ngày … tháng … năm …* |

**BIỂU MẪU SỐ LIỆU**

***(Kèm theo Báo cáo về tình hình phát triển đô thị)***

1. Số lượng và dân số đô thị (tháng... năm ....):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Danh mục các đô thị phân theo loại* | *Số lượng đô thị* | *Dân số (1.000 người)* | |
| *Tổng số* | *Trong đó* |
| *Dân số khu vực nội thành/nội thị/thị trấn/đô thị mới loại V \** |
| **Tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương)...** | **...** | **...** | **...** |
| - Các quận nội thành (nếu có) | ... | ... | ... |
| - Đô thị trực thuộc |  |  |  |
| + Đô thị loại I | ... | ... | ... |
| ... |  |  |  |
| + Đô thị loại II | ... | ... | ... |
| ... |  |  |  |
| + Đô thị loại III | ... | ... | ... |
| ... |  |  |  |
| + Đô thị loại IV | ... | ... | ... |
| ... |  |  |  |
| + Đô thị loại V | ... | ... | ... |
| ... |  |  |  |

\* Đối với đô thị loại IV trở lên, dân số được tính theo khu vực là phường hoặc dự kiến thành lập phường của đô thị đã được phân loại.

2. Diện tích đất đô thị (tháng... năm ....):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Danh mục các đô thị phân theo loại* | *Quyết định phê duyệt/điều chỉnh QHC đang có hiệu lực* | *Diện tích đất toàn đô thị (km2)* | *Diện tích nội thành/nội thị/thị trấn /đô thị mới loại V (km2)* | *Diện tích đất xây dựng đô thị theo QHC được duyệt (km2)* | *Diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (km2)* | | | |
| *Tổng diện tích đất xây dựng đô thị thực tế đã phát triển* | *Đất cây xanh* | *Đất giao thông* | |
| *Tổng số* | *Đất bến bãi đỗ xe* |
| **Tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương)...** |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| - Các quận (nếu có) |  |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| - Đô thị trực thuộc |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Đô thị loại I |  |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| ... | ... | … | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| + Đô thị loại II |  | … | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| ... | ... | … | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| + Đô thị loại III |  | … | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| ... | ... |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| + Đô thị loại IV |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| ... | ... |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| + Đô thị loại V |  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| ... | ... | … | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

3. Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/khu nhà ở:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Dự án đầu tư phát triển đô thị* | *Loại đô thị* | *Dự án có quy mô từ 20 ha trở lên* | | *Dự án có quy mô nhỏ hơn 20 ha* | | *Tỷ lệ diện tích đã xây dựng hạ tầng so với diện tích dự án đã được duyệt (%)* |
| *Tổng số dự án* | *Tổng diện tích (ha)* | *Tổng số dự án* | *Tổng diện tích (ha)* |  |
| 1. Dự án đang đầu tư xây dựng trên địa bàn | Đặc biệt |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |
| Loại III |  |  |  |  |  |
| Loại IV |  |  |  |  |  |
| Loại V |  |  |  |  |  |
| 2. Dự án đã phê duyệt chưa đầu tư xây dựng | Đặc biệt |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |
| Loại II |  |  |  |  |  |
| Loại III |  |  |  |  |  |
| Loại IV |  |  |  |  |  |
| Loại V |  |  |  |  |  |

4. Dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị* | *Loại đô thị* | *Giao thông* | | *Nhà máy, trạm cấp nước* | | *Nhà máy, trạm xử lý chất thải rắn sinh hoạt* | | *Cây xanh, công viên* | | *Dự án cải tạo chỉnh trang đô thị* | | |
| *Số lượng dự án* | *Chiều dài đường xây dựng mới (km)* | *Số lượng dự án* | *Quy mô công suất (m3/ ngđ)* | *Số lượng dự án* | *Quy mô công suất (m3/ ngđ)* | *Số lượng dự án* | *Diện tích (m2)* | *Số lượng dự án* | *Quy mô diện tích khu vực (ha)* | *Số lượng đơn vị hành chính phường thực hiện cải tạo* |
| **Dự án đã hoàn thành đến kỳ báo cáo** | Đặc biệt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại  III |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại IV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại V |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Dự án đang thực hiện đầu tư xây dựng** | Đặc biệt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại  III |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại IV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại V |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Dự án có kế hoạch thực hiện đến 2025 nhưng chưa đầu tư xây dựng** | Đặc biệt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại  III |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại IV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Loại V |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên cơ quan nhận báo cáo; - Lưu: VT, …. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |